

KIM NGAO TÂN THOẠI VÀ SỰ TIẾP NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỌC

Nguyễn Nam

Khoa Đông phương học, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG-HCM

(Bài nhận ngày 04 tháng 3 năm 2003)

TÓM TẮT: *Kim Ngao tân thoại* của danh nho Triều Tiên Kim Thời Tập (Kim Sisup, 1435-1493) là một mốc lớn trong văn học Hàn Quốc, đồng thời cũng là kiệt tác trong kho tàng tiểu thuyết truyền kỳ Đông Á. Qua khảo sát *Kim Ngao tân thoại*, bài viết sơ luận quan niệm của Kim về nhân sinh và thế giới. Xét từ nguyên lý “độc giả hồi ứng,” các lời bình giải của nhiều lớp người đọc từ những thời – không khác nhau cho thấy những cách đọc khác nhau đối với bộ tiểu thuyết này. Khảo sát chung với những lời mi phê trong các bộ tiểu thuyết truyền kỳ khác ở Đông Á, các lời bình *Kim Ngao tân thoại* cho thấy rõ hơn khái niệm kỳ trong tiểu thuyết truyền kỳ đã được nhận thức như thế nào trong bối cảnh văn chương Đông Á.

Kim Ngao tân thoại của danh Nho Kim Thời Tập (Kim Sisup, 1435-1493) là một mốc lớn trong văn học Hàn Quốc, đặc biệt là trong tiến trình phát triển của tiểu thuyết ở nước này. *Kim Ngao tân thoại* cũng là danh tác trong kho tàng tiểu thuyết truyền kỳ Đông Á. Để hiểu truyền kỳ Việt Nam trong bối cảnh khu vực, không thể không chú ý đến các danh trứ của các nước cận lân. Tiếp theo những tiểu luận về *Kim Ngao tân thoại* đã công bố ở Việt Nam,¹ bài viết sơ khảo quan niệm của Kim Thời Tập về nhân sinh và thế giới, được phản ánh qua bộ tiểu thuyết truyền kỳ của ông. *Kim Ngao tân thoại* cũng được giới thiệu qua các bình giải của nhiều lớp độc giả. Quan niệm về tác giả và tác phẩm truyền kỳ của các học giả Triều Tiên và Nhật Bản cũng được đề cập thông qua khảo sát cổ bản 1884 của *Kim Ngao tân thoại*. Để tiện theo dõi, lược thuật toàn bộ 5 truyện còn sót lại của bộ tiểu thuyết này được đính kèm ở cuối bài.

Kim Thời Tập và *Kim Ngao tân thoại*

Kim Thời Tập tự là Liệt Khanh, hiệu là Mai Nguyệt Đường. Kim từ bé đã nổi tiếng thần đồng. Do cảm kích trước sự ưu ái của vua Văn Tông mà Kim có tình cảm sâu đậm với triều vua này và thế tử Doan Tông (Tan-jong).² Để thể hiện chính kiến bất hợp tác trước thế cuộc

¹ Ở Việt Nam đã có một số bài viết về Kim Thời Tập và *Kim Ngao tân thoại*, xem Jean Hyae Kyeong. “So sánh thể loại tiểu thuyết truyền kỳ của Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam (qua ba tác phẩm *Kim Ngao tân thoại*, *Tiểu đăng tân thoại* và *Truyền kỳ mạn lục*)”, *Tạp chí Văn học*, số 5/1995, tr. 52; Kim Seona. “Đề tài tình yêu trong *Kim ngao tân thoại* của Hàn Quốc (so sánh với *Truyền kỳ mạn lục* của Việt Nam)”, *Tạp chí Văn học*, số 10/1995, tr. 33-35; Phạm Tú Châu. “Truyền kỳ chữ Hán ở Hàn Quốc và Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số 10/1995, tr. 36-40.

² Tương truyền khi mới 5 tuổi, Kim đã được vua Văn Tông biết tiếng, vời vào chầu, lệnh cho quan thừa chỉ thử tài ứng đối của Kim. Quan ra vế đối:

Đồng tử chi tài như bạch hạc du thành vân chi thượng

(Tài của trẻ nhỏ như hạc trắng chơi trên mây xanh)

Kim liền đối lại:

Thánh chủ chi đức nhưc hoàng long phan bích hải chi trung

nhiều nương đầu triều Lý (Yi, 1392-1910), Kim xuống tóc, khoác cà sa, nương nhờ cửa Phật. Gần nửa đời mình, Kim theo phép tăng già, nhưng con người Nho gia trong tâm tưởng và hành xử dường như không lúc nào tàn lụi trong ông. Nho giáo và Phật giáo theo Kim từ tấm bé cho đến cuối đời, nhưng xét cho cùng tư tưởng nhà Nho vẫn giữ vị trí chủ đạo. Giai đoạn ẩn dật nơi núi Kim Ngao (Kumo) là một mốc quan trọng trong sự nghiệp trữ tác của Kim Thời Tập.³ Bộ Kim Ngao tân thoại được sáng tác trong thời kỳ này, nguyên có 20 truyện, nhưng tiếc là đến nay chỉ lưu truyền được 5 truyện. Truyện “Nam viêm phù châu chí” trong tập này có đoạn Diêm Ma Vương⁴ luận bàn về phương tiện và cứu cánh của đạo Nho và Phật như sau:

Phiên âm:

Chu Khổng Trung Hoa văn vật trung chi thánh dã. Cồ Đàm Tây Vực gian hung trung chi thánh dã. Văn vật tuy minh, nhân tính bác tuý, Chu Khổng suất chi. Gian hung tuy muội, khí hữu lợi độn, Cồ Đàm cảnh chi. Chu Khổng chi giáo, dĩ chính khử tà. Cồ Đàm chi pháp, thiết tà khử tà. Dĩ chính khử tà, cố kỳ ngôn chính trực. Dĩ tà khử tà, cố kỳ ngôn hoang đản. Chính trực cố quân tử dị tòng. Hoang đản cố tiểu nhân dị tín. Kỳ cực trí tắc giai sử quân tử, tiểu nhân quy ư chính lý, vị thường hoặc thế.

Dịch nghĩa:

Khổng Tử là bậc thánh trong cõi văn vật Trung Hoa. Đức Phật là bậc thánh ở khu gian hung Tây Vực. Văn vật tuy sáng rõ, tính người cũng phân phần tạp, tinh tuý, Khổng Tử

(Đức của thánh chúa tựa rồng vàng cuộn trong biển biếc)

Văn Tông rất vui, bèn lệnh cho thế tử Doan Tông cùng Kim tương kiến. Văn Tông dặn dò Kim tận trung phụng sự thế tử. Khi Kim ra về, vua còn ban thưởng cho rất nhiều sách vở quý. Chính sự kiện này khiến Kim có biệt danh “Ngũ tuế”. Xem *Kim Ngao tân thoại* (Kumo Shinhwa), Á Tế Á Văn hoá xã, Seoul[?], 1973, trg. 10; Lý Gia Nguyên, *Kim Ngao tân thoại*, Thông Văn Quán, 1959, trg. 299.

³ Trong thiên tiểu luận “*Kim Ngao tân thoại nghiên cứu*” (*Quốc lập Chính trị Đại học học báo*, Đài Bắc, số 17 (1969), trg. 219-241), Diệp Càn Khôn phân tiểu sử Kim Thời Tập thành 5 giai đoạn lớn. Cách chia này trùng với lối phân của *Kumo Shinhwa* (1974):

(1) Thời ấu thơ và cầu học (từ khi sinh – 20 tuổi): Thuở nhỏ ông nổi tiếng thần đồng, được vào yết kiến vua Văn Tông và thế tử Doan Tông. Kim tham bác Nho học lẫn Phật học. Chính biến lật đổ vua Doan Tông xảy ra năm Kim 13 tuổi đã ảnh hưởng sâu đậm đến Kim

(2) Thời vân du bốn phương (21 – 30 tuổi): Phần chí, Kim đốt sách, nương nhờ cửa Phật, ngao du sơn thủy, biểu lộ thái độ bất hợp tác với tân triều của Thế Tổ.

(3) Thời ẩn cư ở núi Kim Ngao (31 – 36 tuổi): Lui về ẩn dật ở núi Kim Ngao thuộc vùng cổ đô Tân La (Silla), Kim lập thư trai, đọc sách, sưu tập hơn trăm bài ngâm vịnh thiên nhiên của cổ nhân, cùng với bằng hữu hoạ vận, ngâm vịnh. Kim Ngao tân thoại được sáng tác trong thời kỳ này.

(4) Thời thất ý (37 – 48 tuổi): Sau khi Thế Tổ qua đời, Kim có ý ứng thí, nhưng khi đến kinh sư, thấy sĩ khí suy đồi, chính sự tao loạn, Kim quyết định từ bỏ con đường khoa hoạn. Chẳng lâu sau, nhân mục kích sự hưng thịnh của Nho giáo và sự suy vi của Phật giáo, ngoài ra lại được bằng hữu động viên, Kim hoàn tục, chấp chính. Nhưng rồi thực tế chính trường làm Kim nản chí. Ông lại khoác cà sa, rời bỏ kinh đô.

(5) Thời văn niên (49 – 59 tuổi): Sau 10 năm gởi thân nơi Phật tự, Kim Thời Tập tạ thế năm 1493, ở tuổi 59.

⁴ Diêm Ma Vương tự giải thích danh xưng của mình: “Ngã danh Diêm Ma, ngôn vi diêm sở ma dã” (Ta tên Diêm Ma, ý nói được cọ xát bởi ánh sáng của lửa). Xem *Kumo Shinhwa* (1973, sdd., trg. 88). Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang* (10 tập), Thích Minh Cảnh chủ biên, Trung tâm Phiên dịch Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh, 1993 – 2000, Diêm Ma (Yama trong tiếng Phạn), “Trời Diêm là 1 trong 8 vị trời Hộ Thế ở 8 phương, là 1 trong 10 vị Hộ Pháp Thần vương ở 10 phương, là 1 trong 12 vị trời, 1 trong 20 vị trời ở Ngoại bộ. Trong Mật giáo, đặc biệt xếp Diêm-ma vương (còn gọi là Diêm-ma Thiên) vào Thiên bộ. Nhưng hình tượng Diêm-ma Thiên không giống Diêm-ma vương.” (tập 2, trg. 624).

theo đó mà giáo dẫn. Gian hung tuy mê muội, khí chất cũng có lan lợi, chậm lụt, Đức Phật theo đó mà cảnh giới. Thuyết giáo của Khổng Tử lấy chính ngay khử trừ tà vạy. Phép của Đức Phật dựng tà vạy khử trừ tà vạy. Lấy chính khử tà nên lời lẽ chính trực. Lấy tà khử tà nên lời lẽ hoang đản. Do chính trực mà quân tử dễ theo. Bởi hoang đản mà tiểu nhân dễ tin. Mục đích tối cao của cả hai là khiến cả quân tử lẫn tiểu nhân quay về lẽ chính, chứ chưa hề nhằm mê hoặc thế gian.⁵

Qua đoạn dẫn văn, có thể thấy ngay thái độ trọng thị của Kim đối với Hoa Hạ và Nho gia. Dưới nhãn quan của Diêm Ma Vương, Phật giáo của kẻ “tiểu nhân” chỉ đáng vào bậc thứ, xếp sau Nho giáo của trang “quân tử”. Dẫu rằng Kim không định nghĩa rạch ròi thế nào là “quân tử” và “tiểu nhân”, qua cách lập luận của ông, có thể thấy hai khái niệm này được dùng với cả hàm nghĩa đạo đức và tri thức. Khi phân biệt giữa “lời lẽ chính trực” của Nho giáo với “lời lẽ hoang đản” của Phật giáo, Kim hẳn đã cân nhắc đến trình độ học vấn – nhận thức của “quân tử” và “tiểu nhân.”

Tuy nhiên, xét ở một góc độ khác, Phật giáo lại tìm được thế đồng đẳng với Nho giáo trong việc hướng con người về nẻo chính. Theo Diêm Ma Vương, lời lẽ “hoang đản” trong Phật giáo suy cho cùng chỉ là một sự điều chỉnh cho phù hợp với tri thức hạn hẹp của kẻ “tiểu nhân”, thu hút họ với những dắt dẫn quanh co, để cuối cùng thấp sáng “chính lý” trong tâm trí họ. Nếu đọc đoạn văn trích như một cách nhìn của Kim Thời Tập về hai đạo Nho và Phật, được phát biểu qua tôn thần Phật giáo Diêm Ma Vương, phải chăng đoạn văn ấy cũng là lời giải thích gián tiếp vì sao trong thời gian ở ẩn, Kim lại sáng tác Kim Ngao Tân Thoại theo bút pháp truyền kỳ, ký thác những suy niệm về chính trị, xã hội, và tôn giáo của mình trong sắc màu hư ảo của thần tiên, quỷ mị? Không rõ khi hạ bút viết bộ tiểu thuyết truyền kỳ bằng văn ngôn Hán văn, Kim đã muốn hướng thông điệp của mình đến đối tượng độc giả nào. Hẳn nhiên văn ngôn cùng với thi từ mỹ lệ và điển cố trùng điệp của tiểu thuyết truyền kỳ không thể thích hợp với lớp “tiểu nhân” kiến văn hạn hẹp, học vấn nông sơ. Yếu tố hấp dẫn của thần ma huyền tưởng ở đây tuy vẫn là phương tiện dắt dẫn thu hút người đọc, nhưng đã ở vào một tầng bậc thẩm mỹ cao hơn. Nó kén chọn một lớp độc giả có trình độ học vấn cao, thạo văn ngôn Hán văn, có khả năng nhìn xuyên thấu những bình phong thánh thần, ma quỷ, để đọc được “chính lý” ẩn tàng phía sau. Thế nên, tiểu thuyết truyền kỳ trước hết là cuộc đối thoại trí thức về thế sự giữa tác giả và độc giả trên cùng cơ tầng văn hoá, trong một cõi huyền ảo hư thực bất phân. Theo lối nói của Kim, cũng tựa như Phật giáo, tiểu thuyết truyền kỳ thông qua “lời lẽ hoang đản” mà đạt đến “chính lý”. Cũng chính ở đây, có thể có hai lối bình đọc truyện truyền kỳ. Một là truy xuất cho được cái “lẽ chính” gửi gắm trong tác phẩm, xem đây là mục đích tối hậu. Hai là tinh tế điếm qua các thủ pháp nghệ thuật để thấy được điệu bút của tác giả trong việc giải trình các vấn đề nhân sinh qua ngôn từ “hoang đản” của tác phẩm. *Kim Ngao tân thoại* là bộ tiểu thuyết truyền kỳ đã được nhiều lớp độc giả từ những thời – không khác nhau giải đọc theo hai hướng trên.

Diễn giải *Kim Ngao tân thoại*

Tuy chỉ còn 5 truyện, *Kim Ngao tân thoại* vẫn giữ vị trí trọng yếu trong văn học Hàn Quốc, đặc biệt là trong lịch sử tiểu thuyết của nước này.⁶

⁵ Như trên, trg.89-90.

⁶ Theo các học giả Hàn Quốc, “Dưới triều Lý (Yi), việc phát triển văn hoá Nho giáo trước hết đã gây trở ngại cho sự tăng trưởng tiếp nối của tiểu thuyết với tư cách là một thể loại văn học. Để tiện thảo luận, chúng tôi

Các truyện trong sách khác hẳn với những sáng tác của thời Cao Ly về hai phương diện: một là truyện được đặt trong bối cảnh Triều Tiên, trong khi các truyện cũ thường chọn bối cảnh và nhân vật Trung Quốc; hai là kết cuộc thường bi thương, trái ngược với với kết thúc có hậu của những truyện sáng tác trước đây. *Kim Ngao tân thoại*, mỹ lệ vô song trong văn từ biểu đạt và phong phú sắc thái bản địa, quả là kiệt tác trong truyền thống văn chương truyền kỳ.⁷

Quan hệ giữa *Kim Ngao tân thoại* của Kim Thời Tập với *Tiến đăng tân thoại* của tác gia Trung Quốc Cù Hựu (1347-1433)⁸ và *Ca Tỳ Tử* (*Otogiboko*, 1666) của tác gia Nhật Bản Tiễn Tinh Liễu Ý (Asai Ryoji) cũng được các học giả Triều Tiên – Hàn Quốc và quốc tế đề cập đến rất sớm.⁹ Với số truyện ít ỏi và độ dài vừa phải, khi bàn đến tập truyện này, các nhà nghiên cứu thường bình giải riêng từng truyện. Dưới đây là diễn giải của các học giả thế kỷ XX về những câu chuyện viết cách họ khoảng 500 năm.

Vạn phúc tự xử bồ ký (Manboksa chop'o ki)

Thấm đậm chủ nghĩa nhân văn thể hiện qua ngọn bút nồng nhiệt của tác giả, chuyện được tán dương vì đề cao tự do luyến ái, giải thoát phụ nữ khỏi chốn phòng khuê tù hãm.¹⁰ Chuyện cũng cho thấy liên hệ giữa người sống và kẻ chết, cùng với quan niệm của tác giả về đầu thai, luân hồi.¹¹

phân triều này thành hai giai đoạn, trong đó cuộc chiến Imjin với Nhật Bản là tuyến phân cách. Chúng ta có thể nói rằng trong giai đoạn đầu, nghệ thuật tự sự chưa vượt qua khỏi trình độ truyện dân gian thời Cao Ly [Koryo, 918-1392], và thế nên sự tăng tiến nghệ thuật là không đáng kể. Tuy nhiên, sau khi bộ *Kim Ngao tân thoại* của Kim Thời Tập ra đời, tiểu thuyết Hàn Quốc bước vào một thời kỳ mới trong tiến trình phát triển của nó." Xem *Korea Background Series – Literature*, Korean Overseas Information Service, Seoul, Korea, 1973, tr. 50.

⁷ Lee, Peter H., *Korean Literature: Topics and Themes*. Universities and State College of Arizona, 1965, tr. 67.

⁸ *Tiến đăng tân thoại* hẳn đã được truyền nhập vào Triều Tiên rất sớm và được lưu hành khá rộng rãi ở đây. Việc Kim Thời Tập mô phỏng bộ truyền kỳ đời Minh này để sáng tác *Kim Ngao tân thoại* là một chứng tích về sự du nhập và truyền bá của bộ sách. Lưu hành trong phạm vi trí thức Triều Tiên, *Tiến đăng tân thoại* được các học giả Thương Châu (Ch'angju) và Doãn Xuân Niên (Yun Ch'unnyon) biên tập trước khi thời gian Nhật Bản xâm lược 1592-1598. Sau, Thuỳ Hồ Tử (Suhoja) và Lâm Kỳ (Im Ki) tăng bổ thêm phần bình giải. Trong thời Nhật xâm, *Tiến đăng tân thoại* được mang về Nhật và ấn hành tại đây vào năm 1646, góp phần hình thành văn học truyền kỳ Nhật Bản. Xem Salmon, Claudine (biên tập), *Literary Migrations -- Traditional Chinese Fiction in Asia (17-20th Centuries)*, International Culture Publishing Corporation, Beijing, 1987, tr. 65.

⁹ Kim An Lão (1481-1537) trong bộ *Long tuyển tịch đàm ký* có viết: "Kỳ thư đại để thuật dị ngụ ý, hiệu *Tiến đăng tân thoại* đẳng tác dã" (Bộ sách này [*Kim Ngao tân thoại*] về đại thể là kể chuyện quái dị mà ngụ ý, theo lối các tác phẩm như *Tiến đăng tân thoại*." Về các nghiên cứu so sánh giữa *Tiến đăng tân thoại* và *Kim Ngao tân thoại*, xem phần giới thiệu khái lược trong Thành Trạch Thắng (Narisawa Masaru), "On the two collections of stories *Jiandeng xinhua* and *Kum o shin hua* -- with emphasis laid on the composition of the story *Man bok sa jo po gi* in the latter collection" *Chugoku Bungaku Kenkyu*, The Waseda University Society of Chinese Literature, Tokyo, số 5/1979, tr. 76-77. Có thể kể một vài tiểu luận chuyên khảo về quan hệ ảnh hưởng – tiếp nhận giữa *Tiến đăng tân thoại* với *Kim Ngao tân thoại* và *Ca tỳ tử*: Tả Đằng Tuấn Ngạn (Sato Toshihiko), "A Comparative Study of *Togiboko*, *Kumo Sinhwa*, and *Chien-Teng-Hsin-Hua*" *Chosen Gakuho*, Nara, số 23, tr. 73-82; Trịnh Kỳ Cao (Chyung Ki Ho), "Manner of Acceptance in *Keumosinhwa* and *Otogiboko*" *Chosen Gakuho*, Nara, số 68 (1973), tr. 185-220. Các nghiên cứu trên đều khẳng định ảnh hưởng của *Kim Ngao tân thoại* đối với *Ca tỳ tử*.

¹⁰ Doo Soo Suh, *Korean Literary Reader with a Short History of Korean Literature*, Dong-A Publishing Company, Seoul, Korea, 1965, tr. 9.

¹¹ *Introduction of Korean Culture and Arts -- Volume II: The Classical Novels of Korea*, The Korean Culture and Arts Foundation, Seoul, Korea, 1981, tr. 9.

Lý sinh khay tường truyện (Yisaeng kyujang chon)

Xây dựng một chàng Lý và một nàng Thôi vượt qua bức tường lễ giáo, sinh tử để đến với nhau, Kim Thời Tập được xem là người đầu tiên trong văn học cổ điển Triều Tiên chủ trương tình yêu chân chính là điều kiện tiên quyết dẫn đến hôn nhân, hạnh phúc. Truyện được xem là xuất sắc nhất trong số 5 truyện hiện còn.¹²

Tuý du phù bích đình ký (Ch'wiyu pubyokchong ki)

Màu sắc Đạo giáo hiển hiện trong cuộc hội ngộ lãng mạn giữa phàm nhân và tiên nữ.¹³ Truyện được xem là sự thăng hoa từ "tính ái" lên "thánh ái".¹⁴ Các nhà nghiên cứu cũng có khuynh hướng xếp các truyện "Tuý du phù bích đình ký," "Nam viêm phù châu chí," và "Long cung phó yến lục" vào thành một nhóm truyện, trong đó nhân vật chính thoát ly cuộc sống thế tục, viễn du vào một vùng đất lý tưởng (Utopia), thăm địa ngục, hay chơi thủy cung.¹⁵

Nam viêm phù châu chí (Namyon puju chi)

Xét về mặt nghệ thuật tiểu thuyết, truyện có mặt hạn chế: "Dù tác giả trình bày tư tưởng, nhân sinh quan, và thế giới quan qua một cuộc thảo luận kéo dài giữa chàng Phác và Diệm Ma Vương, giá trị tiểu thuyết của truyện không cao."¹⁶ Thế nhưng đứng về mặt tư tưởng, "Nam viêm phù châu chí" từng được xếp vào loại "quan niệm tiểu thuyết"¹⁷, phản ánh chính kiến của tác giả: "Ông cho rằng nước thuộc về dân. Lãnh đạo chẳng qua chỉ là người bảo hộ đạo nghĩa. Khi nào đạo nghĩa thiếu vắng, hoặc dân thôi không tín nhiệm, người lãnh đạo không được dùng bất kỳ một phương kế nào để lừa mị dân, bảo vệ mình. Thế nên, tác giả tỏ ra là người chủ trương thoát ra khỏi những quan niệm sai lầm về tình yêu, và đề xướng đạo nghĩa như một mục đích của xã hội."¹⁸ Truyện thu hút độc giả không phải ở những tình tiết ly kỳ, mà ở hình ảnh một đảo quốc - địa ngục cô lẻ giữa trùng dương, hấp dẫn người đọc bởi lý lẽ hùng biện, luận bàn chuyện thế sự, nhân sinh trong một ngoại giới khác thường.¹⁹

Long cung phó yến lục (Yonggung puyon nok)

Đọc những miêu tả yến tiệc, xướng họa văn chương nơi thủy cung, độc giả tựa hồ như đang nghe Kim Thời Tập hồi cố lại những ngày vinh hạnh thăm cung vua của chính mình: "Tác giả sống lại ký ức thời thơ ấu, ký ức của một trẻ nhỏ lên năm sống trong cung vua, dưới sự ân sủng của Thế Tông."²⁰ Qua văn tài đa dạng của Kim Thời Tập, truyện cho thấy hình ảnh của một triều đình lý tưởng, biết quý trọng hiền nhân, tri thức.²¹

¹² Doo Soo Suh, *Korean Literary Reader...*, sdd., trg. 8.

¹³ *Introduction of Korean Culture and Arts...*, sdd., trg. 9.

¹⁴ *Kim Ngao Tân Thoại* (1973), sdd., trg. 11.

¹⁵ Doo Soo Suh, *Korean Literary Reader...*, sdd., trg. 9.

¹⁶ *Introduction of Korean Culture...*, sdd., trg. 9.

¹⁷ *Kim Ngao tân thoại* (1973), sdd., trg. 11.

¹⁸ Doo Soo Suh, *Korean Literary Reader...*, sdd., trg. 9.

¹⁹ *Kim Ngao tân thoại* (1973), sdd., trg. 11.

²⁰ *Introduction of Korean Culture...*, sdd., trg. 9. Cũng xem Diệp Càn Khôn, "Kim Ngao tân thoại nghiên cứu," bdd., trg. 238-239.

²¹ *Kim Ngao tân thoại* (1973), sdd., trg. 12.

Những ý kiến bình giải trên đây hẳn nhiên giúp người đọc tiếp cận một số mặt trong thế giới đa phương của *Kim Ngao tân thoại*. Lùi xa hơn vài thế kỷ về quá khứ, có thể thấy một hướng giải độc khác, tỉ mỉ hẳn thường câu chữ, nhưng cũng đồng thời lưu ý độc giả về tính đa nghĩa của tác phẩm.

Cổ bản *Kim Ngao tân thoại* và tiếp nhận văn học

Vượt ra ngoài biên giới địa lý Triều Tiên, *Kim Ngao tân thoại* được đón nhận nồng nhiệt và lưu hành rộng rãi ở Nhật Bản. Hai cổ bản hiện còn được ấn hành tại Nhật vào năm 1673 và 1884. Bản in 1673 thường được gọi là bản “Thiên lý đồ thư quán”, do Đạo Xuân Lâm La Sơn (1583-1657) huấn điểm. Bản in 1884, còn gọi là bản “Quốc lập đồ thư quán” hay bản “Đại Trùng” (Otsuka). Tuy được ấn hành năm 1884, bản này được khắc theo một ấn bản cổ được tàng trữ trong gia đình Otsuka khoảng hơn 220 năm trước đây.²² Cả hai cổ bản được Á Tế Á Văn hoá xã chụp lại và ấn hành vào năm 1973, và nhờ đó, công chúng mới có dịp tường khảo hai văn bản quý này.

Phần trên cùng trang bìa của bản in 1884 cho biết sách có cả “Tự bạt phê bình” (Lời tựa, lời bạt, và lời bình). Phần còn lại của bìa chia làm ba cột dọc. Cột giữa ghi rõ tựa sách *Kim Ngao tân thoại* và tác giả “Triều Tiên Kim Thời Tập trù”. Cột bên phải ghi tên người viết tựa, bạt, và phê ngữ: Nhật Bản (6 người) và Triều Tiên (2 người). Cột bên trái ghi năm tháng xuất bản “Đại Nhật Bản Minh Trị thập hữu thất giáp thân tuế sơ thu” (Đầu thu năm giáp thân, Minh Trị Nhật Bản năm thứ 17), nơi in “Đông Kinh”, và dòng chữ “Mai Nguyệt Đường tàng tuý”. Kết quả đối chiếu hai văn bản 1673 và 1884 cho thấy sai biệt về văn tự tuy có, nhưng không đáng kể.²³ Tuy nhiên, bản 1884 với một loạt tựa, bạt, và phê ngữ phong phú cho phép khảo sát việc tiếp nhận tác phẩm của một lớp độc giả truyền thống, cùng chung mỹ cảm hun đúc trên nền tảng văn chương Trung Hoa nói chung, và tiểu thuyết truyền kỳ nói riêng.

Bản in 1884 có ba bài bạt, do Hán Dương Lý Thọ Diên (Triều Tiên), Bồ Sinh Trọng Chương, và Tiểu Dã Hồ Sơn (Nhật Bản) viết. Bài bạt của Lý Thọ Diên có một số đoạn đáng chú ý, cho thấy cái nhìn của người Triều Tiên về tác giả và tác phẩm truyền kỳ:

***Kim Ngao tân thoại* bạt**

Triều Tiên cố đa tiểu thuyết, nhiên giai hữu căn cứ, cái dã sử chi loại. Kỳ truyền kỳ chi tác, thậm hi, cần hữu Mai Nguyệt Đường *Kim Ngao tân thoại*, Kim Xuân Trạch *Cửu vân mộng* sổ chủng nhi dĩ... Kỳ thư toàn phỏng *Tiến dăng tân thoại*, kỳ trung “Long cung phó yến lục” vưu tiểu “Thủy cung khánh hội lục” dã, tuy bất khả vị phi tiên sinh chi tác... Dư dĩ vi bản bang sĩ tử uy thanh dạng, bất cảm trừ bài quan quái quyết chi sự. Minh triều diệc nhiên. Cù Hựu chung dĩ trừ *Tiến dăng* chi tội kiến trích... Nhân chi nghĩ tác giả khởi cảm hiệu vưu, nhi dục tập kỳ họa tai? Duy Mai Nguyệt Đường, Kim Xuân Trạch giai lỗi lạc phương ngoại chi sĩ, cố năng túng bút ư khuê các, hương điểm, tiên quý, kỳ huyền chi sự dĩ ngụ kỳ hoài.

Dịch nghĩa:

Triều Tiên vốn nhiều tiểu thuyết, nhưng đều có căn cứ, nói chung là thuộc loại dã sử. Các tác phẩm truyền kỳ rất hiếm, chỉ có vài bộ như *Kim Ngao tân thoại* của

²² Xem lời “Bạt” (1) của bản Otsuka in trong *Kim Ngao tân thoại* (1973): “Thử thư vi Nhật Bản Đại Trùng thị sở tàng dĩ nhị bách nhị thập dư niên” (Bản sách này được họ Otsuka Nhật Bản tàng trữ đã hơn 220 năm) (trg. 131).

²³ Xem *Kim Ngao tân thoại* (1973), sdd., trg. 14-18.

Mai Nguyệt Đường, *Cửu vân mộng* của Kim Xuân Trạch mà thôi.²⁴ Tập truyện này [*Kim Ngao tân thoại*] hoàn toàn phỏng theo *Tiền đăng tân thoại*, trong đó “Long cung phó yến lục” đặc biệt giống “Thủy cung khánh hội lục.” Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận đây là sáng tác của ông... Tôi cho rằng sĩ tử nước ta [Triều Tiên] vốn sợ chông chênh sóng gió, không dám viết chuyện quái quỷ theo lối bài quan.²⁵ Triều Minh [Trung Quốc] cũng thế. Cù Hựu vì mắc tội viết *Tiền đăng* mà bị cách chức, đày ra miền biên viễn... Có ai dám theo đây mà viết: học đòi chuyện dị thường, phải chăng là muốn theo vết xưa chuốc họa vào thân? Duy có Mai Nguyệt Đường và Xuân Trạch đều là kẻ sĩ lỗi lạc ngoài vòng cương tỏa, nên có thể phóng bút vào chuyện khuê các, hương diễm, tiên quý để gửi gắm nỗi niềm của mình.²⁶

Truyện kỳ ở đây bị nhận như một loại văn lãng mạn (khuê các, hương diễm), hoang đản (tiên quý), chất chứa tâm sự của tác giả. Tác giả của truyện truyền kỳ phải có bản lĩnh và văn tài (lỗi lạc) để có thể gửi gắm nỗi niềm, tư tưởng của mình qua thể văn này. Cũng vì lãng mạn và hoang đản mà tác giả của truyện truyền kỳ đứng trước nguy cơ bị xâm hại về mặt chính trị. Thế nên thể văn này đặc biệt phù hợp với những người viết đã tự đặt mình ngoài vòng danh lợi. Kim Thời Tập và Kim Xuân Trạch là hai khuôn mặt tiêu biểu của văn học truyền kỳ Triều Tiên, minh chứng cho lập luận trên. Người đọc có thể nhận ra rằng trường hợp Cù Hựu đời Minh với bộ *Tiền đăng* được nêu trong bài bạt đã là một mối quan trọng đánh dấu sự đổi thay trong mối quan hệ giữa tác gia truyền kỳ và xã hội (đặc biệt là giới cầm quyền). Khác với thời Đường, Tống ở Trung Hoa, khi truyền kỳ nở rộ và được công chúng hâm mộ rộng rãi, việc *Tiền đăng tân thoại* bị cấm vào đời Minh cho thấy giới chức đương thời đã nhận thấy được sự nguy hiểm của những phê phán chính trị – xã hội ẩn tàng phía sau các câu chuyện thần ma, diễm tình. *Tiền đăng tân thoại* góp phần cho sự phát triển của dòng văn học truyền kỳ ở các nước cận lân, nhưng đồng thời số phận lịch sử của nó cũng ảnh hưởng nặng nề đến sinh mệnh chính trị của các tác phẩm truyền kỳ trong các nước nọ.

Khác với bài bạt của Lý, Tiểu Dã Hồ Sơn cho thấy một số khía cạnh khác của truyện truyền kỳ:

Thông biên văn chương, hoa lệ thi phú, thanh du kỹ sự, truyền kỳ chi giai giả dã. Dư tăng độc Thanh nhân Bồ Lưu Tiên *Liêu trai chí dị*, diệc bài sử trung chi tối diệu giả dã. Kim độc thử thiên, kỳ sự kỳ nhi kỳ thi tắc chính, quyết phi cuồng quái chi từ

²⁴ Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Kim Vạn Trọng (Kim Man-jung, 1637-1692, cũng gọi là Kim Xuân Trạch) có thể đã viết *Cửu vân mộng* (*Kuun mong*) bằng văn ngôn Hán văn vào khoảng năm 1687. *Cửu vân mộng* thuật chuyện chú tiểu Hsing-chen do bốn cột với 8 tiên nữ, chận về tự viện mà bị sa địa ngục và đầu thai thành Yang Shao-yu. Chàng Yang thành công trên hoạn lộ, kết hôn với 8 trang tuyệt thế giai nhân (vốn là 8 nàng tiên bị đày xuống trần). Chín người cuối cùng họp lại cùng nhau, cùng nói về thế gian ảo mộng, và quyết định tìm con đường giải thoát trong Phật giáo. Xem McGreal, Ian P. (biên tập), *Great Literature of the Eastern World*, Harper Collins, New York, 1996, trg. 429-432.

²⁵ *Bài quan*: Nguyên chỉ chức quan nhỏ thời cổ, chuyên thu thập những lời bàn tán, chuyện trò phong tục từ hàng cùng, ngõ hẻm để thuật lại cho vua. Từ này sau được dùng để chỉ các nhà viết tiểu thuyết.

²⁶ *Tiền đăng tân thoại* (1974), sdd., trg. 129-131.

dã. Ý giả bí kỳ khảo toàn tại văn chương, cố thiên thiên dụng ý sáp tứ lục chi từ. Thử biên bất nhiên. Kỳ khảo toàn tại thi phú, như bí quyển tuy hữu “Viêm phù” chi văn, chí “Long cung phó yến” tắc tần sáp Tao thể chi phú... Kỳ sở luận phi tầm thường truyền kỳ chi loại.

Dịch nghĩa:

Văn chương thông suốt, thi phú hoa lệ, chép việc thanh tao, lưu loát, ấy là cái đẹp của truyện truyền kỳ. Ta từng đọc *Liêu trai chí dị* của Bồ Lưu Tiên (Bồ Tùng Linh, 1640-1715) đời Thanh, là tác phẩm diệu bút nhất thuộc loại bài quan dã sử. Nay đọc sách này [*Kim Ngao tân thoại*], sự việc kỳ thú, mà thi ca chính trực, quyết không phải là lời lẽ ngông cuồng, quái dị. Xét về ý, cái khéo của tác phẩm nọ [*Liêu trai chí dị*] hoàn toàn ở văn từ, thế nên mỗi thiên dụng ý, thường thêm văn từ tứ lục. Bản sách này không thế. Cái khéo của nó hoàn toàn ở thi phú, như quyển nọ tuy có văn từ ở chuyện “Viêm Phù” [“Nam viêm phù châu chí”], nhưng đến “Long cung phó yến lục” thì thường thêm phú viết theo thể *Ly tao*... Những điều luận bàn trong sách chẳng thuộc loại truyện kỳ tầm thường.²⁷

Bài bạt mở đầu bằng việc khái quát một số đặc điểm nghệ thuật của thể loại truyện kỳ. Nội dung tư tưởng hẳn nhiên là tiêu chí trọng yếu, khiến cho tác phẩm tuy thuật chuyện thần dị mà không “cuồng quái”. Trình độ tư tưởng – nghệ thuật khác nhau tất yếu dẫn đến phân đẳng cao thấp, vậy nên có truyện kỳ tinh diệu đối lập với “truyện kỳ tầm thường”. So sánh *Kim Ngao tân thoại* với *Liêu trai chí dị*, một tác phẩm kỳ bút bậc nhất của văn chương truyện kỳ, tác giả xác nhận giá trị nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm, khẳng định đây không thuộc “tầm thường truyền kỳ chi loại.” Rõ ràng, yếu tố “kỳ” trong “truyện kỳ” có khả năng bao quát cả nội dung và nghệ thuật: trong hư có thực, trong hoang đảo có chính lý, văn chương kỳ tuyệt, ý tứ kỳ diệu, thuật sự kỳ tài. Các lời bình điểm trong bản 1884 rất nhiều lần dùng chữ “kỳ” tán thưởng câu, đoạn trong truyện đều theo những ý trên.

Kết luận

Kim Thời Tập hai lần khoác áo tăng, tạ thế nơi cửa Phật, nhưng con người Nho gia trong ông luôn ở thế ưu thắng. Chọn thể loại truyện kỳ như đối thoại văn chương trí thức, Kim Thời Tập soạn *Kim Ngao tân thoại*, kể chuyện ái tình, thần tiên, ma quỷ cũng là để làm rõ “chính lý” của cuộc đời: là người phải sống nhân ái, con người phải được tự do định đoạt hôn nhân và hạnh phúc của chính họ, và hiền tài phải được trọng dụng trong một xã hội mà lãnh đạo là người hết lòng bảo hộ đạo nghĩa. Nhiều thế hệ khác nhau về chủng tộc đã theo những cách đọc khác nhau để đến với thông điệp trên của Kim. Họ cũng đều cảm nhận được cái kỳ tuyệt, kỳ tài trong cả tư tưởng lẫn nghệ thuật của truyện truyền kỳ nói chung, và *Kim Ngao tân thoại* nói riêng. Những lời mi phê trong cổ bản 1884 vẫn còn đây, và nếu được đọc trong tương liên với những lời phê khác trong các tác phẩm truyền kỳ ở khu vực Đông Á chắc chắn sẽ yết lộ nhiều điều lý thú, giúp hiểu rõ thêm thế nào là “kỳ” trong tiểu thuyết truyền kỳ.

²⁷ *Kim Ngao tân thoại* (1973), sdd., trg. 137-139.

**KUMO SHINHWA [NEW TALES FROM MOUNT KUMO] AND
READERS RESPONSE”**

Nguyen Nam

Faculty of Oriental Studies, University of Social Sciences and Humanities – VNU-HCM

ABSTRACT: The collection *Kumo Shinhwa* by the noted Korean Confucian Kim Sisup (1435-1493) is a landmark in Korean literature and a masterpiece in the treasure of East Asian *chuanqi* tales (i.e., tales of the extraordinary written in classical Chinese). Through analyzing *Kumo Shinhwa*, this paper preliminarily discusses Kim’s outlook on life as well as his world outlook. Examined from a “reader-response” perspective, commentaries of various generations of readers from different temporal and spatial conditions reveal various readings of the collection. Together with the other marginal commentaries on other East Asian collections of tales of the extraordinary, the commentaries of *Kumo Shinhwa* show how the notion of *qi* of the *chuanqi* genre has been perceived in East Asian literary contexts.